| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ**<br>TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 5 - 2019
V/v: "**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kim Đính;
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hải và ông Đinh Tuấn Đạt.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú,*** *tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 481/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2019, giữa các đương sự:
*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1978;
*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972;
Cùng nơi cư trú tại tổ 4, ấp 4, xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*
- Nguyên đơn và bị đơn chung sống từ năm 1998, đến năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 có các mâu thuẫn giữa vợ chồng, nguyên nhân do bị đơn thường ăn uống rượu, bia, không làm đầy đủ trách nhiệm công việc đối với vợ, con, có những lời nói không đúng với nguyên đơn.
Nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu ly hôn tháng 6/2018, vợ chồng sống ly thân, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện lần này để tiếp tục chung sống với bị đơn. Nhưng các mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn phát sinh nên nguyên đơn lại phải khởi kiện yêu cầu ly hôn.
- Nguyên đơn và bị đơn có 02 người con là Nguyễn Thanh N, sinh ngày ... và Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày ...
- Vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Vợ chồng không còn tình nghĩa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn và là người tiếp tục trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Mỹ Thanh (không yêu cầu bị đơn phải cấp

dưỡng nuôi con).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2018, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, nợ chung, tài sản chung của vợ chồng là đúng sự thật.

Trong quan hệ hôn nhân có những mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự không còn sống chung đã nhiều lần. Đến nay nguyên đơn khởi kiện ly hôn là lần thứ hai. Bị đơn có nhiều lần uống rượu, bia có lời nói không đúng với nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ.

Đối với con có nguyện vọng cư trú, sinh sống với cha hoặc mẹ là quyền của con, bị đơn đồng ý với ý kiến của con; bị đơn cũng thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ tài sản.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th; về con: Nguyễn Thanh N đã thành niên nên không giải quyết; giao Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày ... cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi; về quan hệ tài sản, thanh toán nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân gia đình của các đương sự được xác lập năm 1998, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa các đương sự được coi là hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa là các tài liệu chứng minh các đương sự không còn sống chung từ tháng 8/2018 đến nay. Thời gian sống chung, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bị đơn đã nhiều lần có lời nói, hành vi không đúng với nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm

nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Con của các đương sự là Nguyễn Thị Mỹ Th, đã sinh sống, cư trú ổn định với nguyên đơn đến nay. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự thống nhất nguyên đơn là người trực tiếp nuôi con là phù hợp với ý kiến của các đương sự và quy định của pháp luật; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ vụ án, các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Oanh được ly hôn ông Nguyễn Văn Th

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Các đương sự thống nhất ý kiến: Nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh ngày ... (nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con);

Sau khi ly hôn, các đương sự vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Các đương sự không khởi kiện về nợ chung, tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008398 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Kim Đính**